

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST

Ngày 24 tháng 8 năm 2020

“Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Phương, ông Lê Đăng Huân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 202/2020/TLST – HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc D (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Giang T, xã Ea P, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T (Vắng mặt)

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn Giang T, xã Ea P, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Ngọc D trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Thu T là vợ chồng. Trong quá trình chung sống, ông bà có 03 con chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy bà T bỏ nhà ra đi không có tin tức gì và đã được Tòa án tuyên bố mất tích, cho nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà T. Sau khi ly hôn, ông có nguyện vọng nuôi dưỡng 03 con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung.

Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 05/2020/QĐST – VDS ngày 02 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông N đã tuyên bố bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1988, nơi cư trú cuối cùng: Thôn Giang T, xã Ea P, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk mất tích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thụ lý vụ án

+ Ông D và bà T là vợ chồng. Trong quá trình chung sống, ông bà có 03 con chung. Hiện nay, bà T đã bị Tòa án đã tuyên bố mất tích, do đó ông D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con. Như vậy quan hệ pháp luật ở đây là: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ông D khởi kiện và có nộp tiền tạm ứng án phí. Bà T có nơi cư trú cuối cùng ở Thôn Giang T, xã Ea P, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Krông N căn cứ vào các Điều 35, 39, khoản 3 Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý vụ án.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Do bà T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích vì vậy Tòa án căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp

+ Về quan hệ hôn nhân

Ông D và bà T là vợ chồng (có đăng ký kết hôn hợp pháp). Trong thời kỳ hôn nhân, ông bà phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được dẫn đến bà Tuyết bỏ nhà ra đi, không có tin tức gì. Theo yêu cầu của ông D, Tòa án đã tuyên bố bà T mất tích, vì vậy ông D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà T là có căn cứ pháp lý, phù hợp với khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự; Điều 51; khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, cho ông D ly hôn với bà T.

+ Về con chung

Ông D, bà T có 03 con chung. Sau khi ly hôn, ông D có nguyện vọng nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Xét thấy hiện nay các con chung đang ở với ông D, còn bà T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình giao các cháu L, H, H cho ông D nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Tròn 18 tuổi).

+ Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung

Ông D không yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[4] Về án phí

Vì đây là vụ án ly hôn, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, thì nguyên đơn là ông D vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự; Điều 51; khoản 2 Điều 56 và Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc D về việc yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con.

+ Cho ông Nguyễn Ngọc D ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu T.

+ Giao cháu Nguyễn Ngọc Gia L, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2007, cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2009 và cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2009 cho ông Nguyễn Ngọc D nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, kể từ ngày tuyên án.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc D phải chịu 300.000đ tiền án phí **dân sự sơ thẩm**. Được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi thành án dân sự huyện Krông Năng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/ 0009261 ngày 16 tháng 7 năm 2020.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông N;
- Chi cục THADS huyện Krông N;
- UBND xã Tam G;
- Ông Nguyễn Ngọc D ;
- Niêm yết nơi cư trú cuối cùng của bà T;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

ĐỖ VĂN DŨNG